

Bản án số: 39/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29 tháng 9 năm 2021

"V/v Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quang Vũ**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vi Văn Mạnh và bà Vương Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ: Ông Lưu Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021 về việc "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự;

* Nguyên đơn: Anh **Bùi Minh Th**; sinh năm 1973

Nơi c- trú: Khu 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ

* Bị đơn: Chị **Vũ Thị Ng**; sinh năm 1979

Nơi c- trú: Khu 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Bùi Minh Th trình bày về nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

- Anh và chị Vũ Thị Ng tự nguyện kết hôn với nhau ngày 06/5/2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn với chị Ng anh đã có 01 lần kết hôn nh- ng đã ly hôn. Sau khi kết hôn anh và chị Ng sống chung tại nhà và đất riêng của anh, (khi đó nhà riêng của anh đang xây sắp xong) tại khu 3, xã Đ, huyện T. Vợ chồng chung sống hòa thuận đ- ợc khoảng 05 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm tính cách, không tập chung về kinh tế, chị Ng không có trách nhiệm lo việc chung của gia đình và còn có thái độ ứng xử không đúng mực với anh từ đó vợ chồng th- ờng xuyên xảy ra va chạm xích mích. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, từ tháng 01/2021,

chị Ng đã tự bỏ về nhà mẹ đẻ tại khu 2 xã Đ và ở từ đó cho đến nay, không trở về gia đình lần nào, vợ chồng cũng không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn vì vậy anh yêu cầu đ- ợc ly hôn với chị Vũ Thị Ng.

- Về con chung: Anh và chị Vũ Thị Nguyên có với nhau 02 con chung là Bùi Trà M; sinh ngày 02/4/2010 (hiện nay đang ở với chị Ng) và Bùi □nh D; sinh ngày 19/8/2012 (hiện nay đang ở với anh tại khu 3, xã Đ). Sau khi ly hôn, anh Th yêu cầu đ- ợc tiếp tục chăm sóc nuôi d- ỡng con chung là Bùi □nh D, còn chị Ng sẽ tiếp tục chăm sóc nuôi d- ỡng con chung là Bùi Trà M. Anh Th không yêu cầu việc cấp d- ỡng nuôi con.

- Về tài sản: Toàn bộ tài sản đã được Tòa án thẩm định, định giá ngày 03/8/2021, anh Th không có ý kiến gì về kết quả thẩm định và giá của tài sản. Tuy nhiên về nguồn gốc tài sản và quyền sở hữu tài sản, anh Th trình bày như sau:

+ Đối với thửa đất số 872, diện tích 155,7 m² ở tại khu 3, xã Đ, huyện T đã được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số CX 352793 ngày 25/12/2020 đứng tên Bùi Minh Th và Vũ Thị Ng trị giá là 750.577.980.đ. Thửa đất này là của chị Bùi Thị Kim Th (chị gái anh) cho. Khi anh và chị Ng kết hôn, chị Ng về sống chung cùng thì anh đã sử dụng thửa đất từ trước và đang làm nhà trên đất. Năm 2020 mới làm thủ tục sang tên, mặc dù hồ sơ và GCNQSDĐ là chuyển nhượng đứng tên anh và chị Ng nhưng thực tế là chị Th cho riêng anh nên toàn bộ thửa đất này là tài sản riêng của anh;

+ Đối với các tài sản gắn liền với đất còn lại gồm; 01 nhà xây 02 tầng, trần tầng 2 bằng tôn, cầu thang, bếp, mái tôn sau nhà, sân, tường rào xây, bể nước trong đó;

Tầng 1 trị giá 88.378.000.đ; khi chị Ng về chung sống cùng anh thì tầng 01 đã xây gần xong (được 90%), chị Ng có đóng góp 24.000.000.đ ngoài ra không giúp được gì khác vì vậy khi ly hôn anh sẽ trả lại cho chị Nguyên số tiền đã đóng góp là 24.000.000.đ;

Tầng 02 (mái và trần tôn) trị giá 41.635.000.đ; mái tôn sau nhà trị giá 4.314.000.đ; tường rào xây gạch chỉ phía sau và bể nước trị giá 3.975.000.đ. Toàn bộ số tài sản này là của anh và chị Ng cùng nhau xây dựng trong thời gian chung sống vì vậy anh Th xác nhận đây là tài sản chung và khi ly hôn anh đề nghị chia mỗi người 1/2 theo giá trị đã định giá;

Các tài sản còn lại là cầu thang trong nhà, bếp trị giá 12.386.000.đ là do anh tự bỏ tiền ra xây dựng, chị Ng không đóng góp và giúp đỡ gì vì vậy là phần tài sản riêng của anh.

Ngoài ra còn một số tài sản khác đã hết giá trị sử dụng và đồ dùng sinh hoạt trong nhà anh Th và chị Ng đã thống nhất không kê khai, không định giá và khi ly hôn anh Th sẽ là người sở hữu không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ: Anh Bùi Minh Th xác nhận anh và chị Vũ Thị Ng không có tài sản cho vay và cũng không vay nợ ai nên không yêu cầu.

- Về công sức đóng góp cho gia đình và đất nông nghiệp anh Th xác nhận không có nên không yêu cầu

* Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị đơn là chị Vũ Thị Ng trình bày như sau: Chị Ng xác nhận về thời gian kết hôn, thủ tục kết hôn và thời gian vợ chồng chung sống đúng nh- anh Bùi Minh Th đã trình bày ở trên là đúng.

Về nguyên nhân chính xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng không hiểu và không tin tưởng nhau về kinh tế, không hòa hợp về tính cách, lối sống. Do mâu thuẫn nghiêm trọng nên từ tháng 01/2021, chị và anh Th đã sống ly thân không còn quan tâm trách nhiệm đối với nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm không còn vì vậy cũng yêu cầu được ly hôn anh Bùi Minh Th.

- Về con chung: Chị Ng xác nhận chị và anh Bùi Minh Th có với nhau 02 con chung đúng như anh Th đã trình bày. Do cả 02 còn đều là con gái cần chị chăm sóc, nguyện vọng của 02 con cũng muốn được ở với mẹ và chị có đủ các điều kiện để nuôi con vì vậy sau khi ly hôn chị yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản: Chị Vũ Thị Ng xác nhận lời trình bày của anh Bùi Minh Th về tài sản chung và tài sản riêng là đúng và đầy đủ, các tài sản này đã được Tòa án thẩm định, định giá chị không có ý kiến gì.

Đối với số tiền 24.000.000.đ mà chị đã góp khi về chung sống với anh Th để hoàn thiện tầng 01 của ngôi nhà. Do giá trị tiền đến nay bị trượt giá vì vậy nay chị yêu cầu anh Th phải thanh toán trả lại cho chị số tiền 50.000.000.đ.

Các tài sản chung mà chị và anh Th cùng nhau xây dựng như anh Th đã trình bày gồm: Tầng 02 (mái và trần tôn); mái tôn sau nhà, tường rào xây gạch chỉ phía sau và bể nước chị yêu cầu chia theo giá trị đã được định giá.

Các tài sản còn lại chị Ng xác nhận là tài sản riêng của anh Th, chị không có tranh chấp.

- Về vay nợ chung và các vấn đề khác chị Ng xác nhận chị và anh Bùi Minh Th không có nên không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về các vấn đề phải giải quyết trong vụ án vì vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Minh Th và chị Vũ Thị Ng kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn do vậy là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm tính cách và vợ chồng cũng chưa thực sự tin tưởng nhau trong cuộc sống là nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn. Cả hai lại có những ứng xử không phù hợp làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên

ngghiêm trọng và đã phải sống ly thân từ nhiều tháng nay, không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ, chồng trong hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần hòa giải nhưng không kết quả, tại phiên tòa anh Th và chị Ng vẫn tiếp tục yêu cầu ly hôn. Do vậy, xét yêu cầu ly hôn của cả hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên được Hội đồng xét xử công nhận.

[3]. Về nuôi con chung sau ly hôn: Anh Th, chị Nguyễn có 02 con chung như đã trình bày ở trên. Xét yêu cầu được nuôi con của hai bên là nguyện vọng chính đáng, xuất phát từ tình cảm, trách nhiệm của người cha, người mẹ đối với con của mình, cả hai cũng đều có những điều kiện nhất định để nuôi con. Nhưng cả 02 con đều là gái đang trong giai đoạn phát triển về thể chất nên rất cần sự quan tâm chăm sóc giáo dục trực tiếp của người mẹ, 02 con có nguyện vọng được ở với mẹ, chính quyền địa phương nơi chị Ng, anh Th cư trú cũng đề nghị giao các con chung cho chị Ng nuôi dưỡng sẽ bảo đảm được quyền lợi của con. Vì vậy sau khi ly hôn giao cả 02 con chung cho chị Ng được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng sẽ đảm bảo được việc chăm sóc, giáo dục và sự phát triển đầy đủ của các con và cũng phù hợp quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Ng là người trực tiếp nuôi con tự nguyện không yêu cầu nên trong vụ án này không buộc anh Th phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

[4]. Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thẩm định, định giá toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất. Chị Ng và anh Th đều đã thống nhất được phần tài sản chung trong toàn bộ các tài sản đã thẩm định, định giá cụ thể gồm: Tầng 02 (mái và trần tôn) trị giá 41.635.000.đ; mái tôn sau nhà trị giá 4.314.000.đ; tường rào xây gạch chỉ phía sau và bể nước trị giá 3.975.000.đ, các tài sản còn lại là của riêng anh Th. Như vậy, tổng giá trị tài sản chung của anh Th và chị Ng thống nhất xác định là **49.924.000.đ**.

Đối với yêu cầu của chị Nguyễn về việc khi về chung sống có đóng góp cho anh Th số tiền 24.000.000.đ để hoàn thiện nhà tầng một. Do giá trị tiền từ đó cho đến nay thay đổi trượt giá nên chị Ng yêu cầu anh Th phải thanh toán lại cho chị số tiền 50.000.000.đ. Về số tiền mà chị Ng đã đóng góp anh Th cũng công nhận nhưng chỉ chấp nhận trả lại cho chị Ng số tiền 24.000.000.đ. Xét việc chị Ng yêu cầu anh Th phải thanh toán cho chị số tiền 50.000.000.đ là không có căn cứ bởi lẽ: Việc chị Ng đóng góp tiền là hoàn toàn tự nguyện và cũng là thể hiện trách nhiệm của chị đối với gia đình, bản thân chị Ng cũng đã được sử dụng tài sản là ngôi nhà từ trước cho đến nay vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh Th là hoàn trả lại cho chị Ng số tiền đã đóng góp ban đầu là 24.000.000.đ là phù hợp.

Do toàn bộ phần tài sản chung của chị Ng và anh Th gắn liền với tài sản riêng của anh Th và đang do anh Th quản lý nên khi ly hôn giao cho anh Th được sở hữu toàn bộ và anh Th có nghĩa vụ thanh toán giá trị chênh lệch tài sản chung cho chị Ng. Do anh Th có chỗ ở ổn định, sau khi ly hôn chị Ng nuôi 02 con chưa thành niên

nên khi thanh toán chênh lệch tài sản có ưu tiên cho chị Ng phần giá trị tài sản nhiều hơn là phù hợp.

[5]. Về quyền lưu cư: Do chị Vũ Thị Ng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh Bùi Minh Th nhận nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định. Anh Th và chị Ng đều phải chịu tiền án phí chia tài sản đối với phần giá trị tài sản chung được chia theo quy định của pháp luật.

[7]. Về chi phí tố tụng: Do các đương đã tự nguyện nộp, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không ghi nhận trong bản án.

[8]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba đã phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và xác định trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của đương sự. Giao cả 02 con chung cho chị Ng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, các Điều 55, 58, 59, khoản 1 Điều 62, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* **Xử:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Minh Th và chị Vũ Thị Ng.

* Về nuôi con chung sau ly hôn: Giao cho chị Vũ Thị Ng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung là Bùi Trà M; sinh ngày 02/4/2010 (hiện nay đang ở với chị Ng tại khu 2, xã Đ) và Bùi □nh D; sinh ngày 19/8/2012 (hiện nay đang ở với anh Th tại khu 3, xã Đ). Anh Bùi Minh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

* Về tài sản: Giao cho anh Bùi Minh Th được quyền sở hữu sử dụng toàn bộ tài sản là thửa đất số 872, diện tích 155,7 m² ở tại khu 3, xã Đ, huyện T đã được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số CX 352793 ngày 25/12/2020 đứng tên Bùi Minh Th và Vũ Thị Ng cùng toàn bộ các tài sản gắn liền với đất gồm; 01 nhà 02 tầng, bếp, cầu thang, mái tôn phía sau nhà, tường rào xây gạch và bể nước, trong đó có phần tài sản chung của anh Th và chị Ng, cụ thể: Tầng 02 (mái và trần tôn) trị giá **41.635.000.đ**; mái tôn sau nhà trị giá **4.314.000.đ**; tường rào xây gạch chỉ phía sau và bể nước trị giá **3.975.000.đ**. và phần giá trị tiền mà chị Ng đã đóng góp khi xây dựng nhà tầng

một là **24.000.000.đ**. Tổng giá trị tài sản chung giao cho anh Th được sở hữu là **73.924.000.đ**. (bảy mươi ba triệu chín trăm hai mươi tư nghìn đồng).

Toàn bộ tài sản trên đang do anh Th đang quản lý, sử dụng ở tại khu 3, xã Đ, huyện T

* Về thanh toán chênh lệch tài sản: Anh Bùi Minh Th phải có nghĩa vụ thanh toán phần trị giá chênh lệch tài sản cho chị Vũ Thị Ng số tiền là **30.000.000.đ** và thanh toán hoàn trả lại cho chị Vũ Thị Ng số tiền **24.000.000.đ**;

Tổng số tiền anh Bùi Minh Th phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị Vũ Thị Ng là **54.000.000.đ** (năm mươi tư triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ngời phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thi hành án, kể từ ngày ngời được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ngời phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành cho đến khi thi hành xong theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

* Về án phí: Anh Bùi Minh Th nộp nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000.đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) và anh Th còn phải có nghĩa vụ nộp 996.000.đ tiền án phí chia tài sản. Tổng số tiền án phí anh Th phải nộp là **1.146.200.đ** (một triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm đồng). Xác nhận anh Th đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại “*Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án*” số AA/2020/0001711 ngày 22/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba.

- Chị Vũ Thị Ng phải nộp **2.700.000.đ** (hai triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền án phí chia tài sản.

Trở hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì ngời được thi hành án dân sự, ngời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã Đ, h. T;
- Các đ-ơng sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- L- u hồ sơ, án văn

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Quang Vũ

